

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [NÓI TIẾNG TRUNG 1]

Mã học phần: CSP32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Không

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước. Học phần **Nói tiếng Trung 1** giúp người học qua quá trình học tập có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Nói tiếng Trung 1 nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức chuẩn về ngữ âm, ngữ điệu.
- G2: Phát âm đúng, chính xác, chú ý trọng âm và biến điệu; rèn luyện ngữ âm, củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ mở rộng theo từng chủ đề.
- G3: Có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc Mở rộng vốn từ vựng theo chủ đề như: làm quen, xung hô, quê hương, danh lam thắng cảnh, làm việc, mua sắm, hoạt động ngoại khóa...
- G4: Vận dụng thành thực hệ thống từ vựng đã học trong giao tiếp sinh hoạt, biết đưa ra ý kiến của bản thân về các vấn đề xã hội phổ biến; biết sử dụng tiếng Trung để giải thích, thuyết minh, khen ngợi tán thưởng hoặc biểu đạt cảm xúc cá nhân (ngạc nhiên, tin tưởng, lưỡng lự, nghi hoặc, phủ định...).
- G5: Sử dụng thành thực các mẫu câu cơ bản, các kết cấu ngữ pháp và từ trọng điểm phức tạp
- G6: Có thể giao tiếp, hội thoại xoay quanh các chủ đề đã học như gia đình và xã hội, hôn nhân, giáo dục, tình yêu, công việc, pháp luật, môi trường...
- G7: Có khả năng tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thực; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Nói 1 phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Áp dụng kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp vào sử dụng tiếng Trung Quốc để miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.
- a2: Biết sử dụng tiếng Trung Quốc để biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, giải thích, thuyết minh, giới thiệu, tán thưởng hoặc thể hiện cảm nhận bản thân.
- a3: Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
- a4: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

3.2 Kỹ năng

- b1: Có kỹ năng nói Tiếng Trung ở cấp độ HSK2 gồm đối thoại hoặc trình bày lưu loát một vấn đề.

- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...
- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.
- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.
- c2: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.
- c3: Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- c4: Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

4. Tài liệu học tập

4.1 Giáo trình chính

[4.1.1] 路志英, 《发展汉语中级口语 (I) 》, 北京语言大学出版社 · 2011 年

4.2 Tài liệu tham khảo

[4.2.1] Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Khẩu ngữ thường dùng trong tiếng Hán hiện đại*, Nhà xuất bản tổng hợp HCM, 2009

[4.2.2] 马箭飞, 《汉语口语速成初级篇》, 北京语言大学出版社, 2014

5. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học
Thời lượng 30 tiết, 6 tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
6 tiết/3 buổi	<p>第一课 : 第一天</p>	<p>Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống -ngày đầu tiên. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề -ngày đầu tiên - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn SV tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 1, chuẩn bị bài 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, bilibili.com, sử dụng app Peiyinxu để ghi âm, lồng tiếng theo chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề. GV đánh giá và SV tham gia đánh giá đồng đẳng sản phẩm của nhóm/cá nhân khác. 	<p>Nắm được từ vựng về chủ đề ăn uống, cơ sở vật chất, hoạt động trong trường học.</p> <p>Biết vận dụng tiếng Trung để đánh giá so sánh, sau đó đưa ra kiến nghị, lời khuyên.</p>
6 tiết/3 buổi	<p>第二课 : 入乡随俗</p>	<p>Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống -nhập gia tùy tục. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề “-nhập gia tùy tục.” 	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p>	<p>Nắm được vốn từ về xưng hô, chào hỏi.</p> <p>Vận dụng vốn từ vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế, căn cứ ngữ cảnh xưng hô phù hợp. Vận dụng vốn từ vào hoàn cảnh giao tiếp thực tế, căn cứ ngữ cảnh xưng hô phù hợp.</p>

		<p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn SV tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 2 , chuẩn bị bài 3, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, xilibili.com, sử dụng app Peiyinxiu để ghi âm, lồng tiếng theo chủ đề.</p>	<p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề. GV đánh giá và SV tham gia đánh giá đồng đẳng sản phẩm của nhóm/cá nhân khác.</p>	<p>Nắm được một số lưu ý khi giao tiếp với người nước ngoài</p>
6 tiết/3 buổi	<p>第三课 : 家乡 Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống -quê hương</p> <p>Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề quê hương. Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi nhanh, tổng kết nội dung của bài.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn SV tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 3 , chuẩn bị bài 4, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, bilibili.com; sử dụng app Peiyinxiu để ghi âm, lồng tiếng theo chủ đề.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề. GV đánh giá và SV tham gia đánh giá đồng đẳng sản phẩm của nhóm/cá nhân khác.</p>	<p>Có vốn từ về chủ đề quê hương, danh lam thắng cảnh, vận dụng vốn từ vào giao tiếp thực tế. Biết vận dụng tiếng Trung để giới thiệu về quê hương, danh lam thắng cảnh hoặc một địa điểm</p>

6 tiết/3 buổi	第四课 : 工作狂	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống -cuồng công việc</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề -cuồng công việc.</p> <p>Sử dụng game quizzzi, tóm tắt nội dung trọng điểm của bài, hỗ trợ sinh viên neo đậu kiến thức</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn SV tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 4 , chuẩn bị bài 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, bilibili.com; sử dụng app Peiyinxu để ghi âm, lồng tiếng theo chủ đề.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề.</p> <p>GV đánh giá và SV tham gia đánh giá đồng đẳng sản phẩm của nhóm/cá nhân khác.</p>	<p>Có vốn từ về chủ đề làm việc; Vận dụng vốn từ chủ đề này để trong giao tiếp chủ đề về công việc; để phủ định ý kiến hoặc khen ngợi tán thưởng người khác</p>
6 tiết/3 buổi	第五课 : 学校社团	<p>- Dạy học theo phương pháp giao tiếp: GV và SV thực hiện mọi tương tác ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Trung Quốc</p> <p>- Dạy học theo tình huống: GV căn cứ theo nội dung bài học, yêu cầu SV xây dựng tình huống tương tự và thực hành theo tình huống -câu lạc bộ trong trường học</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện thực hành hội thoại theo chủ đề -câu lạc bộ trong trường học.</p> <p>Sử dụng phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sử dụng các câu hỏi</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra miệng đọc ngữ âm, kiểm tra từ vựng, mẫu câu, hội thoại bài khóa theo chủ đề.</p> <p>GV đánh giá và SV tham gia đánh giá đồng đẳng sản phẩm của nhóm/cá nhân khác.</p>	<p>Có vốn từ về hoạt động ngoại khóa. Vận dụng vốn từ trong giao tiếp, Giới thiệu về một câu lạc bộ trong Nhà trường hoặc một hoạt động ngoại khóa.</p>

		<p>nhanh, tổng kết nội dung của bài.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn SV tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 5 , chuẩn bị cho bài thi vấn đáp cuối học phần, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, bilibili.com; sử dụng app Peiyinxu để ghi âm, lồng tiếng theo chủ đề.</p>		
--	--	--	--	--

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra										
			a1	a2	a3	b1	b2	b3	b4	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Vấn đáp	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Vấn đáp	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%											

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, b2, Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Vấn đáp
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nói của sinh viên ở cấp độ HSK2 (từ bài 1 đến bài 3)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2 Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Vấn đáp
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nói của sinh viên ở cấp độ HSK2 (từ bài 4 đến bài 5)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Vấn đáp
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào kỹ năng nói và giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK2
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
 - o Đánh giá khả năng làm việc nhóm.
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; a3; b1; b2; b3; b4; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Áp dụng kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp vào sử dụng tiếng Trung Quốc để miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.	Áp dụng tốt	Áp dụng khá tốt	Áp dụng ở mức trung bình	Áp dụng ở mức hạn chế	Áp dụng rất hạn chế
a2: Biết sử dụng tiếng Trung Quốc để biểu đạt ý kiến của bản thân về một số vấn đề xã hội phổ biến, giải thích, thuyết minh, giới thiệu, tán thưởng hoặc thể hiện cảm nhận bản thân.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a3: Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a4: Biết sử dụng thành thạo	Thể hiện	Thể hiện	Thể hiện ở	Thể hiện ở	Thể hiện ở

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	tốt	khá tốt	mức trung bình	mức hạn chế	mức rất hạn chế
b1: Có kỹ năng đối thoại hoặc trình bày lưu loát một vấn đề.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

- + bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
- + projector
- + Loa, Đài cassette
- + Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:
 - + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
 - + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
 - + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- + Làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp
- + Tham gia nhiệt tình các hoạt động trong lớp học
- + Có đầy đủ giáo trình, tài liệu, dụng cụ học

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung